

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2491/2021/KDTM-ST
Ngày: 17-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Khuyên
2. Bà Đỗ Thị Kiều Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-KDTM ngày 21/7/2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5605/2021/QĐXXST-KDTM ngày 24/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N
Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố Đ, Thành phố H
Đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị S
Địa chỉ liên lạc: đường T, phường B, thành phố Đ, Thành phố H
(Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2020)
2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Công nghiệp Hỗ trợ M
Địa chỉ: Đường D, Khu C, phường T, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Đại diện theo pháp luật: ông Châu Bá Long và bà Đỗ Thị Viêng Thảo
(Bà S có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị S là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/01/2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ N (Sau đây gọi tắt là Công ty N) và Công ty Cổ phần Công nghiệp Hỗ trợ M (Sau đây gọi tắt là Công ty M) ký Hợp đồng mua bán văn phòng phẩm (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng), nội dung:

- Công ty N cung cấp văn phòng phẩm theo đơn đặt hàng của Công ty M và giao hàng trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng.

- Giá bán: theo bảng báo giá đính kèm hợp đồng. Trường hợp có thay đổi giá thì phải báo trước 10 ngày.

- Phương thức, thời hạn thanh toán: 30 ngày kể từ ngày giao đủ hàng và qua hình thức chuyển khoản.

Thực hiện hợp đồng, Công ty N và Công ty M đã tiến hành việc mua bán, giao nhận hàng hóa nhiều lần. Tuy nhiên, vào đợt giao hàng tháng 9/2019 và tháng 10/2019 thì Công ty M không thanh toán đúng thời hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng dù Công ty N đã liên hệ nhiều lần.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty M thanh toán tổng số tiền là 25.882.887 đồng, gồm:

- Tiền hàng còn nợ của 03 Hóa đơn GTGT số 0000201 ngày 28/9/2019, số 0000306 và số 0000307 cùng ngày 23/10/2019 là 24.459.106 đồng

- Tiền lãi tạm tính đến ngày 10/6/2020 là: 1.426.781 đồng. Lãi tiếp tục tính từ ngày 11/6/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

Bị đơn Công ty Cổ phần Công nghiệp Hỗ trợ M: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cử người tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn xác định Công ty N chỉ yêu cầu Công ty M thanh toán tiền mua hàng còn nợ 24.459.106 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 23/11/2019 đến 23/6/2020 theo lãi suất 10%/năm là 1.426.781 đồng. Không yêu cầu tiền lãi từ ngày 24/6/2020 cho đến nay. Yêu cầu thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trừ việc Tòa án vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi từ ngày 24/6/2020 cho đến nay. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty N yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền mua văn phòng phẩm còn nợ và Công ty M có trụ sở tại Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty M.

* Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 08/01/2019; 10 Phiếu giao hàng; 03 Hóa đơn GTGT; Bảng đối chiếu công nợ; Các văn bản đề nghị thanh toán của Công ty N; Thông báo hẹn ngày thanh toán ngày 09/3/2020 của Công ty M và lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: quan hệ mua bán hàng hóa giữa Công ty N và Công ty M là có thật và hợp pháp. Thực hiện hợp đồng, Công ty N đã giao hàng và xuất hóa đơn GTGT nhưng Công ty M không thanh toán tiền hàng của đợt giao hàng tháng 9 và tháng 10/2019. Sau đó, Công ty M có hẹn đến tháng 3/2020 sẽ thanh toán nhưng vẫn không thực hiện dù Công ty N đã liên hệ nhiều lần. Tính đến ngày 23/11/2019, Công ty M còn nợ Công ty N tổng cộng là 24.459.106 đồng.

Căn cứ Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty M có trách nhiệm trả một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty N tổng số tiền mua hàng còn nợ là 24.459.106 đồng.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại quy định về thời hạn thanh toán: *“Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá”*; Khoản 3 Điều 2 Hợp đồng quy định *“Thời hạn thanh toán: 30 ngày kể từ ngày giao đủ hàng”*; Các phiếu giao nhận hàng, Hóa đơn GTGT số 0000201 ngày 28/9/2019, số 0000306 và số 0000307 cùng ngày 23/10/2019 do Công ty N phát hành và lời khai của đại diện nguyên đơn thì đủ cơ sở để xác định: Công ty M đã vi phạm thời hạn thanh toán của Hóa đơn số 0000201 ngày 28/9/2019 từ ngày 29/10/2019 và 02 Hóa đơn số 0000306, số 0000307 ngày 23/10/2019 từ ngày 23/11/2019.

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”; Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Thông báo công bố về lãi suất cho vay Việt Nam Đồng áp dụng đối với pháp nhân vay sản xuất kinh doanh thông thường của khoản vay trung – dài hạn đang được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 9, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức áp dụng thì đủ cơ sở để xác định, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử (ngày 17/12/2021) là: $(9.9\%/năm + 10.5\%/năm + 10.5\%/năm) : 3 \times 150\% = 15.45\%/năm$.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định Công ty N chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 23/11/2019 đến ngày 23/6/2020 trên toàn bộ số tiền còn nợ theo mức lãi suất 10%/năm và không yêu cầu tiền lãi phát sinh từ ngày 24/6/2020 cho đến nay. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty N số tiền lãi tính từ ngày 23/11/2019 đến ngày 23/6/2020 là: $24.459.106 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 7 \text{ tháng} = 1.426.781 \text{ đồng}$

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.000.000 đồng.

Hoàn lại cho Công ty N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ và Điều 50, 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ N đối với Công ty Cổ phần Công nghiệp Hỗ trợ M

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hỗ trợ M có trách nhiệm trả một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ N tổng số tiền 25.882.887 (Hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi hai ngàn tám trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó: tiền mua hàng còn nợ 24.459.106 (Hai mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn một trăm linh sáu) đồng và tiền lãi chậm trả 1.426.781 (Một triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi một) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

3. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.000.000 (Ba triệu) đồng, Công ty Công ty Cổ phần Công nghiệp Hỗ trợ M chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ N 3.000.000 đồng (Ba triệu) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013968 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần Công nghiệp Hỗ trợ M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh